

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/NQ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới;

Căn cứ Kết luận số 58-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHQT (3b).KN **LAO**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn
để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam
là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-CP
ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Kết luận số 58-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết đã khẳng định: “Việc thực hiện 10 nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết đã đạt kết quả tích cực. Hội nhập kinh tế quốc tế và việc gia nhập WTO đã tác động toàn diện đến mọi mặt phát triển của đất nước. Những thành tựu đạt được đó khẳng định Nghị quyết Trung ương 4 Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nước ta phát triển nhanh, bền vững khi Việt Nam là thành viên WTO là đúng đắn”; đồng thời đưa ra các phương hướng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới.

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, Chương trình hành động này được xây dựng trên cơ sở rà soát, cập nhật, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ mới nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Tiếp tục thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách lớn đã đề ra tại Nghị quyết Trung ương 4 khóa X trong bối cảnh nước ta đang triển khai Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2020 trong đó trọng tâm là tái cấu trúc nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; hội nhập quốc tế toàn diện với trọng tâm là hội nhập kinh tế, thực hiện hiệu quả các cam kết kinh tế quốc tế.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy tiến trình tái cấu trúc và đổi mới mô hình tăng trưởng, tiếp tục nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Để đạt được mục tiêu nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp cần cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ cơ bản dưới đây.

1. Hoàn thiện pháp luật và thể chế kinh tế

a) Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia; thường xuyên rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; kiên quyết loại bỏ những văn bản, quy định chồng chéo, không còn phù hợp; ban hành các văn bản mới rõ ràng, cụ thể, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp với các cam kết quốc tế và tình hình thực tế.

b) Xây dựng và hoàn thiện các chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, đề án về hội nhập kinh tế quốc tế từ nay đến năm 2020.

c) Tích cực tham gia đàm phán các hiệp định thương mại tự do trong khuôn khổ song phương và khu vực. Tiến hành nghiên cứu, tiến tới đàm phán các hiệp định thương mại mới, phù hợp với lợi ích và nhu cầu phát triển kinh tế của Việt Nam.

d) Hoàn thiện tổ chức, cơ chế hoạt động và nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý cạnh tranh, chống trợ cấp, chống bán phá giá, cơ quan đầu mối về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế; đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

e) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến từng lĩnh vực, ngành nghề cụ thể trên các trang thông tin của các Bộ, ngành chủ quản và cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; công bố công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý, quy trình tác nghiệp, người chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước, các đơn vị cung cấp dịch vụ công để các doanh nghiệp và người dân biết; giám sát chặt chẽ việc thực hiện.

2. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm

a) Triển khai hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020.

b) Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về tạo thuận lợi cho thương mại, tăng cường khả năng cạnh tranh thương mại; tích cực thực hiện hiệu quả Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030.

c) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài, thực hiện tốt chính sách ưu đãi đầu tư, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư và quản lý nợ công.

d) Tích cực triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, du lịch; phát triển thương mại điện tử để tăng cường khả năng giao dịch, tìm kiếm, mở rộng thị trường.

đ) Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển các sản phẩm, ngành hàng cụ thể gắn kết với chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu có chiều sâu, hiệu quả và bền vững; thực hiện tốt công tác cảnh báo sớm về các biện pháp phòng vệ thương mại, đồng thời tận dụng tốt các quy định quốc tế về chi dẫn địa lý, nguồn gốc xuất xứ, đăng ký bản quyền, thương hiệu để bảo vệ doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam trong thương mại quốc tế.

e) Phát huy vai trò của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong việc phối hợp với cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong và ngoài nước để mở rộng thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại, du lịch và thu hút đầu tư; hỗ trợ bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp Việt Nam trong các vụ tranh chấp thương mại.

g) Chú trọng phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các chính sách, chương trình hỗ trợ về vốn, đào tạo, tiếp cận thông tin, công nghệ và thị trường; ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, tạo chuỗi giá trị bền vững cho các sản phẩm ưu tiên của quốc gia và của vùng.

h) Triển khai Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020. Tiếp tục đẩy mạnh và triển khai các dự án công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, áp dụng vào thực tế; nâng cao năng lực lựa chọn và làm chủ các công nghệ nhập khẩu để góp phần cải thiện năng suất và chất lượng của sản phẩm.

3. Phát triển đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường

a) Tiếp tục xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về kinh tế thị trường của Việt Nam làm cơ sở để chứng minh, giải quyết vấn đề công nhận nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đối với các đối tác kinh tế.

b) Tiếp tục rà soát các yếu tố đang cản trở sự hình thành đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường, đặc biệt trong các lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước có vị trí độc quyền hoặc chi phối thị trường, các lĩnh vực, đối tượng đang có sự trợ cấp, hỗ trợ mang tính phân biệt đối xử.

c) Xây dựng và triển khai các cơ chế, hệ thống quản lý, các phương thức giao dịch hiện đại nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao tính pháp lý và giảm thiểu rủi ro cho các giao dịch trên thị trường.

d) Tiếp tục nghiên cứu ban hành các chính sách, quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các loại thị trường.

đ) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản: Trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên khoáng sản.

e) Chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách nhằm đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ tăng giá, thao túng thị trường, vi phạm pháp luật cạnh tranh.

g) Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để khuyến khích đầu tư cho sáng tạo, phát triển và đổi mới công nghệ; tiếp tục ban hành các chính sách phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao.

h) Nghiên cứu và thực hiện các biện pháp điều tiết cung, cầu lao động trên thị trường lao động nhằm đảm bảo sự ổn định, cân bằng trên thị trường, đáp ứng nhu cầu của cả doanh nghiệp và người lao động.

4. Hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Tiếp tục thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Tiến hành tổng kết, đánh giá tổng thể các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; đề xuất hướng đổi mới, phát triển trong thời gian tới; tăng cường đầu tư cho hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.

c) Triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

d) Nghiên cứu, đề xuất chính sách phát triển hiệu quả các ngành công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản Việt Nam có tiềm năng và lợi thế; phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

đ) Nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn quốc tế; đẩy mạnh việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; xúc tiến đẩy mạnh việc đàm phán ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật.

5. Bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và an ninh quốc phòng

a) Tiếp tục đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bổ sung theo hướng tiếp cận dần với tiêu chuẩn quốc tế; nghiên cứu xây dựng và áp dụng thực thi các biện pháp, chế tài xử lý các vi phạm trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam.

b) Hoàn thiện thể chế, chính sách về tài nguyên môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.

c) Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường, thành lập các thể chế xã hội về môi trường; xây dựng hệ thống thông tin và báo cáo môi trường, đẩy mạnh công tác truyền thông môi trường nhằm tăng cường thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường.

d) Xây dựng cơ chế hữu hiệu để đánh giá, thẩm định các vấn đề về môi trường đối với các dự án đầu tư; nâng cao năng lực thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.

đ) Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế và tranh thủ hỗ trợ của các đối tác trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên.

e) Xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn dân linh hoạt và hiệu quả, tiếp tục giữ vững định hướng đảm bảo phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế bền vững gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

g) Xây dựng và ban hành đồng bộ các chính sách xã hội, bao gồm chính sách hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ tự tạo việc làm, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm, thông tin thị trường lao động để giúp người lao động bị mất việc làm.

h) Tiếp tục xây dựng, phát triển mô hình Khu kinh tế - quốc phòng, mô hình kinh tế lưỡng dụng; coi trọng kết hợp kinh tế với an ninh, quốc phòng trên các vùng biển, đảo và các địa bàn chiến lược.

6. Đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực

a) Triển khai Nghị quyết của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

b) Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

c) Ban hành và thực hiện chính sách nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

d) Đẩy mạnh đào tạo và duy trì nguồn nhân lực cho hội nhập kinh tế quốc tế, có trình độ, có kinh nghiệm và đảm bảo tính kế thừa; xây dựng và triển khai các Chương trình đào tạo riêng cho các cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến hội nhập kinh tế quốc tế.

đ) Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư cho giáo dục, đào tạo; quản lý tốt các chương trình liên kết đào tạo, chương trình tiên tiến; nâng cao hiệu quả các chương trình học bổng của các nước, tổ chức quốc tế dành cho Việt Nam.

e) Triển khai Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020; hoàn thiện quy hoạch mạng lưới dạy nghề đến năm 2020 phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của cả nước, ngành, vùng, tiểu vùng đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước, xuất khẩu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động.

g) Xây dựng kế hoạch về việc cử cán bộ vào làm việc tại các tổ chức quốc tế và các thiết chế đa phương.

7. Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá

a) Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và cung cấp thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế cho các cơ quan Chính phủ và doanh nghiệp; phối hợp với các tổ chức, cơ quan nghiên cứu quốc tế để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về công tác phân tích, dự báo, đánh giá trong kiểm soát, điều hành chính sách kinh tế - tài chính vĩ mô.

b) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu và cơ quan hoạch định, thực thi chính sách trong việc cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình nghiên cứu và sử dụng các kết quả nghiên cứu, dự báo, đánh giá.

c) Nâng cao tính khoa học và độ tin cậy trong việc nghiên cứu, phân tích, nhận định về tình hình kinh tế thế giới và trong nước; dự báo được những biến động và tác động của kinh tế thế giới đối với Việt Nam để làm căn cứ cho việc hoạch định chính sách kinh tế trong các lĩnh vực nhạy cảm như ngân hàng, tài chính, bất động sản...

d) Tiếp tục nghiên cứu, dự báo, đánh giá về tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở Việt Nam làm cơ sở thực hiện những bước đổi mới, phát triển tiếp theo.

đ) Thực hiện đánh giá mức độ chính xác các kết quả dự báo đã đưa ra nhằm rút kinh nghiệm, khắc phục hoặc phát huy các phương pháp và tiêu chuẩn dự báo đã sử dụng.

8. Cùng cố, tăng cường cơ chế phối hợp, giám sát triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế

a) Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực cơ quan quản lý và điều phối về hội nhập kinh tế quốc tế từ Trung ương đến địa phương nhằm đảm bảo cho công tác hội nhập được triển khai thống nhất, xuyên suốt và đều khắp trên tất cả các ngành, lĩnh vực và trên phạm vi cả nước; xây dựng báo cáo đánh giá hàng năm về năng lực và kết quả hội nhập kinh tế của các địa phương làm cơ sở cho việc cải thiện năng lực hội nhập của các địa phương.

b) Tăng cường sự tham gia và phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương, giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong việc hoạch định chính sách về kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo được sự nhất quán, cân bằng được lợi ích tổng thể về kinh tế - chính trị, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

c) Tăng cường sự phối hợp liên ngành, liên vùng trong việc xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình hành động, đề án phát triển kinh tế... để phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả nền kinh tế trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

d) Rà soát, khắc phục sự chồng chéo giữa các Bộ, ngành trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế; xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các bên trong việc xây dựng và triển khai các chiến lược, đề án, chương trình hành động phát triển kinh tế... có liên quan và tác động đến nhiều Bộ, ngành và địa phương.

đ) Thực hiện cơ chế tham vấn đối với các doanh nghiệp và các đối tượng liên quan trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật theo nguyên tắc công khai, minh bạch của WTO.

e) Xây dựng đề án đổi mới và phát huy vai trò của các tổ chức hiệp hội ngành nghề, tổ chức chính trị, xã hội trong quá trình xây dựng và thực thi các chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế.

g) Chú trọng việc đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình về hội nhập kinh tế quốc tế để kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh và đề xuất phương hướng giải quyết.

9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền

a) Tiếp tục tuyên truyền về quan điểm chỉ đạo và chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, phổ biến các cam kết, trách nhiệm, nghĩa vụ quyền lợi của Việt Nam khi tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới nhằm tạo sự kiên định và đồng thuận cao trong xã hội; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các chương trình, sự kiện, hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế có sự tham gia của Việt Nam.

b) Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, thăm dò và đánh giá về nhận thức, hiểu biết của doanh nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước, nhân dân về hội nhập kinh tế quốc tế và tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế để xác định nội dung cần tuyên truyền, đảm bảo thiết thực, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng.

c) Xây dựng cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế giữa các Bộ, ngành và địa phương, giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp nhằm bảo đảm việc chia sẻ thông tin giữa các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân dễ tiếp cận và nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hội nhập trong nước và quốc tế.

d) Tăng cường và đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế cho các địa phương và doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động này và căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của Bộ, ngành, địa phương mình, trên cơ sở đó, cụ thể hoá thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm. Đối với những nhiệm vụ không phải triển khai theo các đề án, chương trình, cần tổ chức triển khai ngay để bảo đảm thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả những nội dung của Chương trình hành động.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, các Bộ, ngành, địa phương chủ động báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này của các Bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cần thiết, bảo đảm chương trình được thực hiện hiệu quả và đồng bộ./

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



DANH MỤC NHỮNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ)

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|----------|---|---------------------------------------|---|--|-----------------------|
| I | Hoàn thiện pháp luật và thể chế kinh tế | | | | |
| 1 | Thực hiện nghĩa vụ rà soát chính sách thương mại của Việt Nam trong khuôn khổ WTO | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình Chính phủ | Theo quy định của WTO |
| 2 | Rà soát và loại bỏ các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định trái với các cam kết quốc tế, đặc biệt là cam kết WTO | Bộ Tư pháp | Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan | Nghị định của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2016 |
| 3 | Đề xuất phương án về điều chỉnh pháp luật để thực hiện Hiệp định Đối tác Chiến lược xuyên Thái Bình Dương | Bộ Tư pháp | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình Chính phủ | 2015 |
| 4 | Rà soát, điều chỉnh chính sách mở cửa một số lĩnh vực của nền kinh tế hiện không cam kết hoặc cam kết mở cửa chậm | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Nghị định của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Hàng năm |
| 5 | Xây dựng và triển khai Chiến lược Hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) đến năm 2020 | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Báo cáo tình hình triển khai | 2014 - 2020 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|----|---|--|---------------------------------------|--|---------------------|
| 6 | Xây dựng và triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tham gia các thỏa thuận thương mại tự do (FTA) đến năm 2020 | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Báo cáo tình hình triển khai | 2014 - 2020 |
| 7 | Xây dựng Chiến lược phát triển quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại với các đối tác quan trọng của Việt Nam | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2014 - 2016 |
| 8 | Đàm phán, ký kết các hiệp định hợp tác trong lĩnh vực thương mại và đầu tư với các đối tác quan trọng của Việt Nam | Bộ Công Thương Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan | Các hiệp định hợp tác thương mại và đầu tư | 2014 - 2020 |
| 9 | Tham gia các hoạt động xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình Chính phủ | 2014 - 2015 |
| 10 | Đề án Hội nhập thống kê ASEAN đến năm 2015 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) | Các Bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 11 | Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, cơ quan liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2014 - 2015 |
| 12 | Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, ngành | Bộ Tư pháp | Các Bộ, ngành, địa phương | Báo cáo kết quả triển khai | Hàng năm |
| 13 | Xây dựng và hoàn thiện các quy định, tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng nhập khẩu, phù hợp với cam kết và quy định quốc tế | Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế | Các Bộ, ngành, cơ quan liên quan | Các Nghị định của Chính phủ | 2014 - 2016 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|----|---|--|---------------------------|--|---------------------|
| 14 | Dự án Luật Quản lý Ngoại thương | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương | Dự thảo luật | 2015 |
| 15 | Rà soát, sửa đổi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành liên quan | Dự thảo Luật sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành | 2014 - 2016 |
| 16 | Sửa đổi Luật Xây dựng; Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành liên quan | Dự thảo Luật sửa đổi | 2014 - 2015 |
| 17 | Sửa đổi Luật Du lịch | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các Bộ, ngành liên quan | Dự thảo Luật sửa đổi | 2014 - 2015 |
| 18 | Sửa đổi Luật Hàng hải, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Hàng không Việt Nam | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành liên quan | Dự thảo Luật sửa đổi | 2014 - 2015 |
| 19 | Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2014 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành liên quan | Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2014 | 2015 |
| 20 | Sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành liên quan | Dự thảo Luật sửa đổi | 2015 |
| 21 | Dự án Luật Bảo vệ và kiểm dịch động thực vật, Luật Thủy sản (sửa đổi) | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành liên quan | Dự thảo Luật | |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|-----------|---|---|---------------------------|---|---------------------|
| 22 | Xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật Việc làm | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành liên quan | Các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2014 - 2015 |
| 23 | Sửa đổi Luật Phòng chống tham nhũng | Thanh tra Chính phủ | Các Bộ, ngành liên quan | Dự thảo Luật | 2016 |
| II | Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm | | | | |
| 1 | Triển khai Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình Chính phủ | Hàng năm |
| 2 | Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2014 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình Chính phủ | 2014 - 2015 |
| 3 | Xây dựng Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia | Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 4 | Triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương | Báo cáo trình Chính phủ | 2014 - 2020 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|----|---|--|---|---|---------------------|
| 5 | Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về tạo thuận lợi cho thương mại, tăng cường khả năng cạnh tranh thương mại cho Việt Nam | Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế; Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2014 - 2015 |
| 6 | Đề án Rà soát, đánh giá môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ và đề xuất các giải pháp thực hiện đến năm 2020 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 7 | Đề án nâng cao hiệu quả vốn đầu tư và quản lý nợ công | Bộ Tài chính, Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2016 |
| 8 | Triển khai Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về định hướng nâng cao hiệu quả thu hút, sử dụng và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo kết quả triển khai | Hàng năm |
| 9 | Chính sách khuyến khích các doanh nghiệp khai thác, mở rộng thị trường xuất khẩu; liên kết liên doanh với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội | Nghị định của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Hàng năm |
| 10 | Triển khai Đề án Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ theo Quyết định phê duyệt số 12/2011/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương | Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ | Hàng năm |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|----|--|------------------------------|---|---|---------------------|
| 11 | Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận vốn, công nghệ và thị trường | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ | Nghị định của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 12 | Xây dựng Đề án “Quảng bá sản phẩm Việt Nam ra nước ngoài” | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan, các địa phương, hiệp hội, ngành hàng | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 13 | Triển khai Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 - 2020 | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 14 | Triển khai Đề án Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020 theo Quyết định phê duyệt số 735/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình Chính phủ | Hàng năm |
| 15 | Triển khai Đề án “Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế thực hiện thắng lợi đột phá phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải” | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình Chính phủ | Hàng năm |
| 16 | Đề án nâng cao năng lực mở rộng, đa dạng hóa và chuyển đổi thị trường cho các doanh nghiệp Việt Nam | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Đề án trình Chính phủ | 2015 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|------------|---|--|--|--|---------------------|
| III | Phát triển đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường | | | | |
| 1 | Xây dựng và thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu về kinh tế thị trường của Việt Nam | Bộ Công Thương (Cục Quản lý cạnh tranh), Tổ công tác liên ngành về Quy chế thị trường của Việt Nam | Các Bộ, ngành liên quan | Hệ thống cơ sở dữ liệu | Hàng năm |
| 2 | Báo cáo rà soát các yếu tố đang cản trở sự hình thành đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổ công tác liên ngành về Quy chế thị trường của Việt Nam | Các Bộ, ngành, địa phương | Báo cáo trình Chính phủ | Hàng năm |
| 3 | Xây dựng khung pháp lý về quản lý và giám sát các tập đoàn tài chính Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, các tập đoàn kinh tế - tài chính | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2014 - 2015 |
| 4 | Đề án về Lộ trình tự do hóa các giao dịch vốn | Ngân hàng Nhà nước | Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Đề án trình Chính phủ | 2015 |
| 5 | Đề án Chiến lược phát triển thị trường bất động sản đến năm 2020 | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành, địa phương | Đề án trình Chính phủ | 2015 |
| 6 | Xây dựng các tiêu chuẩn về lao động, việc làm được thế giới công nhận, phù hợp với những điều ước quốc tế đang và sẽ đàm phán thực hiện | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành, liên quan | Các văn bản quy phạm pháp luật về lao động | 2015 |
| 7 | Đề án tham gia các Công ước của Tổ chức Lao động quốc tế | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|-----------|---|--|----------------------------|------------------------------------|---------------------|
| IV | Hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển nông thôn | | | | |
| 1 | Xây dựng Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 2 | Đề án Nâng cao giá trị gia tăng của nông lâm thủy sản Việt Nam | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Hiệp hội ngành hàng | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 3 | Đề án phát triển công nghệ bảo quản, chế biến và giảm tổn thất sau thu hoạch cho các loại nông, thủy sản | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Hiệp hội ngành hàng | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 4 | Đề xuất hoàn thiện các chính sách, giải pháp cụ thể để phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; chính sách liên kết “4 nhà” | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương, | Nghị định của Chính phủ | 2015 |
| 5 | Đề án Hỗ trợ các địa phương vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp bảo đảm an ninh lương thực quốc gia phù hợp với các quy định của WTO | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các địa phương liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 6 | Tăng cường giám sát phòng chống dịch bệnh, quản lý sử dụng hóa chất, thú y trong sản xuất chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; chế biến và bảo quản các sản phẩm có nguồn gốc động vật | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các địa phương | Báo cáo kết quả triển khai | Hàng năm |
| 7 | Triển khai Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo kết quả triển khai | 2014 - 2020 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|----------|---|---|---|---|---------------------|
| V | Bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và an ninh quốc phòng | | | | |
| 1 | Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực môi trường | Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ | Các Bộ, ngành liên quan | Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2014 - 2020 |
| 2 | Xây dựng và áp dụng thực thi các biện pháp, chế tài xử lý các vi phạm trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Công an, Bộ Tư pháp | Hệ thống các biện pháp, chế tài xử lý các vi phạm trong lĩnh vực môi trường | 2016 |
| 3 | Tăng cường kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề... | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành, địa phương | Chương trình, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát | 2014 - 2017 |
| 4 | Đề án tích cực tham gia các thể chế hợp tác về môi trường, đóng góp vào nỗ lực chung phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo vệ môi trường... | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành, địa phương | Đề án trình Chính phủ | 2015 |
| 5 | Đề án khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các tổ chức chính trị xã hội và các Bộ, ngành liên quan | Đề án trình Chính phủ | 2015 |
| 6 | Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành, địa phương | Kế hoạch triển khai | 2014 - 2020 |
| 7 | Thực hiện Chương trình phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành, địa phương | Báo cáo trình Chính phủ | 2014 - 2020 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|-----------|---|---|---------------------------|--|---------------------|
| 8 | Xây dựng báo cáo quốc gia về an sinh xã hội | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình lên Ban Chỉ đạo Trung ương | Hàng năm |
| 9 | Triển khai thực hiện Đề án: “Thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012 - 2015 và 2020” | Bộ Y tế | Các Bộ, ngành, địa phương | Báo cáo trình Chính phủ | 2015 - 2020 |
| 10 | Tiếp tục xây dựng, phát triển mô hình Khu kinh tế - quốc phòng, mô hình kinh tế lưỡng dụng; coi trọng kết hợp kinh tế với an ninh, quốc phòng trên biển, các địa bàn chiến lược | Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương | Báo cáo trình Bộ Chính trị | 2014 - 2020 |
| 11 | Đẩy mạnh triển khai các mô hình hỗ trợ sản xuất, giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng, xây dựng nếp sống mới ở các xã biên giới và các khu kinh tế quốc phòng | Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương | Báo cáo trình Bộ Chính trị | 2014 - 2020 |
| VI | Đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực | | | | |
| 1 | Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 | Bộ Nội vụ | Các Bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|------------|--|--|---------------------------|------------------------------------|---------------------|
| 2 | Nghiên cứu cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và hệ thống văn bằng theo hướng hội nhập quốc tế | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo nghiên cứu | 2015 |
| 3 | Nghiên cứu cơ cấu ngành nghề, trình độ và nhu cầu nhân lực đại học phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo nghiên cứu | 2015 |
| 4 | Đề án về xây dựng quy hoạch phát triển mạng lưới các trường dạy nghề đến năm 2020 | Bộ Lao động - Thương binh và xã hội | Các Bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 5 | Triển khai công ước quốc tế về công nhận đào tạo và văn bằng đại học và hệ thống chuyển đổi tín chỉ ASEAN | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo trình Chính phủ | Hàng năm |
| 6 | Các chương trình đào tạo dành riêng cho cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế | Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế; Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương | Các chương trình đào tạo | Hàng năm |
| 7 | Triển khai Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010 phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020” | Bộ Tư pháp | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo kết quả triển khai | Hàng năm |
| VII | Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá | | | | |
| 1 | Phối hợp với các tổ chức, cơ quan nghiên cứu quốc tế để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về công tác dự báo, đánh giá trong kiểm soát, điều hành chính sách kinh tế - tài chính vĩ mô | Các Bộ, ngành, địa phương | | Các chương trình, kế hoạch | 2014 - 2020 |
| 2 | Báo cáo tổng kết, đánh giá tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở Việt Nam | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo nghiên cứu | 2015 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|-------------|---|--|--|--|---------------------|
| 3 | Báo cáo tổng kết đánh giá chung về tác động tới kinh tế - xã hội Việt Nam sau 10 năm gia nhập WTO | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo nghiên cứu | 2017 |
| 4 | Định kỳ tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khóa X về một số chủ trương để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững sau khi Việt Nam là thành viên WTO | Bộ Công Thương | Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Báo cáo trình Chính phủ | Hàng năm |
| VIII | Củng cố, tăng cường cơ chế phối hợp, giám sát triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế | | | | |
| 1 | Đề án nâng cao năng lực của các cơ quan đầu mối về hội nhập kinh tế quốc tế tại các Bộ, ngành, địa phương | Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế | Các Bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 2 | Xây dựng Báo cáo đánh giá năng lực và mức độ hội nhập kinh tế của các địa phương thông qua Bộ Chỉ số Hội nhập kinh tế cấp địa phương | Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế, Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế | Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | Báo cáo đánh giá về năng lực và mức độ hội nhập kinh tế của các địa phương | Hàng năm |
| 3 | Đề án tăng cường sự phối hợp liên ngành, liên vùng trong việc xây dựng và triển khai các Chiến lược, Chương trình hành động... liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế | Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế, Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế | Các Bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 4 | Đề án đổi mới và phát huy vai trò của các tổ chức hiệp hội ngành nghề, tổ chức chính trị, xã hội trong quá trình xây dựng và thực thi các chính sách quản lý của nhà nước | Bộ Nội vụ | Các Bộ, ngành, hiệp hội liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|-----------|--|--|---|------------------------------------|----------------------------|
| 5 | Thực hiện cơ chế tham vấn cộng đồng doanh nghiệp về các thỏa thuận thương mại quốc tế | Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, Bộ Công Thương và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam | Các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng | Các hội nghị, hội thảo, tọa đàm | Hàng năm |
| 6 | Xây dựng cơ chế tham vấn cho việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế | Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế | Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| 7 | Đề án hỗ trợ, tăng cường năng lực phản biện, giám sát của các tổ chức xã hội nghề nghiệp | Bộ Nội vụ | Các Bộ, ngành | Nghị định của Chính phủ | 2015 |
| 8 | Xây dựng cơ chế phối hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các chủ trương, chính sách, chương trình về hội nhập kinh tế quốc tế | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, cơ quan liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2015 |
| IX | Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền | | | | |
| 1 | Báo cáo khảo sát, thăm dò và đánh giá về nhận thức, hiểu biết của các đối tượng có liên quan trong xã hội về cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế quốc tế | Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế | Các Bộ, ngành, địa phương | Đề án trình Chính phủ | Hàng năm |
| 2 | Tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến thông tin, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế cho các cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp | Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương | Các lớp đào tạo, tập huấn | Hàng năm |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời hạn hoàn thành |
|----|--|--|--|---|---------------------|
| 3 | Xây dựng chuyên mục và các chương trình chuyên sâu về hội nhập kinh tế quốc tế trên các phương tiện thông tin và truyền thông | Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói Việt Nam và các cơ quan liên quan | Các Bộ, ngành, địa phương | Các chuyên mục và chương trình | Hàng năm |
| 4 | Thông tin, tuyên truyền về Chiến lược tham gia các thỏa thuận thương mại tự do (FTA) đến năm 2020 | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng | Các hội nghị, hội thảo, tọa đàm | 2015 |
| 5 | Các hoạt động nghiên cứu phục vụ đàm phán, các hoạt động truyền thông nhằm lấy ý kiến các bên liên quan cho hoạt động đàm phán và vận động hỗ trợ công tác đàm phán kinh tế thương mại quốc tế | Văn phòng Đoàn đàm phán Chính phủ, Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành liên quan | Các hội thảo, nghiên cứu, báo cáo | 2014 - 2015 |
| 6 | Tổ chức tuyên truyền về Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực ASEAN (RCEP), Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương và các hiệp định liên quan khác | Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế | Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng | Các chương trình thông tin tuyên truyền, ấn phẩm... | 2014 - 2015 |
| 7 | Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về các thị trường xuất khẩu và cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin giữa các cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài với các địa phương | Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế | Các địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng | Đề án trình Chính phủ | 2015 |
| 8 | Đề án Thông tin tuyên truyền đến năm 2020 về tái cơ cấu kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả và năng lực cạnh tranh | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các Bộ, ngành liên quan | Đề án trình Chính phủ | 2015 |